

## JORGE LUIS BORGES: BẠC THẦY HIỆN THỰC HUYỀN ẢO MỸ LATINH

PGS.TS Lê Huy Bắc

*Khoa Ngữ văn, Đại học Sư Phạm Hà Nội*

1. Nhà thơ, nhà lý luận phê bình, người sáng tác truyện ngắn vĩ đại người Argentina Jorge Luis Borges (1899-1986) là một trong những nhà văn gây ảnh hưởng bậc nhất thế kỷ XX. Tác phẩm của ông được viết với một nguồn cảm hứng vô tận kết hợp với một trí tuệ uyên thâm và một cái nhìn xuyên thấu vào chiều sâu của tồn tại, của nhân tính,... con người đã mang lại cho độc giả thời hiện đại một cảm xúc khó tả, một cách cắt nghĩa thế giới dị biệt, một phức cảm mê mẫn mang theo thời gian.

Borges sinh tại thủ đô Buenos Aires, trong gia đình tư sản, có nhiều tướng lĩnh nổi tiếng trong lịch sử Argentina. Bố ông, Jorge Guillermo Borges là một luật sư kiêm nghề dạy học, rất yêu thích văn chương. Theo lời Borges, bố ông từng sáng tác văn học nhưng không thành công, ngoại trừ mấy bài thơ Sonnet. Jorge Guillermo Borges có gốc gác Tây Ban Nha, hoà huyết thống với người Bồ Đào Nha và nhiều hơn là dòng máu người Anh. Mẹ Borges là người Anh. Bà mang một cá tính mạnh mẽ. Gia đình Borges nói cả tiếng Tây Ban Nha lẫn tiếng Anh. Văn hoá Anh luôn được đề cao. Do vậy, từ bé, Borges có điều kiện tiếp xúc với nhiều vốn văn chương trác tuyệt của nhân loại. Năm mười hai tuổi, ông đã đọc kịch Shakespeare. Thước kỷ này, ông được giáo dục bởi các gia sư thuê từ châu Âu sang và sớm tiếp xúc với thế giới kỳ diệu của văn chương qua thư viện đồ sộ của ông bà ngoại.

Năm 1914, bố ông bị bệnh mắt, căn bệnh này về sau di truyền sang Borges, nên phải sang Geneva, Thụy Sĩ chữa

bệnh. Borges theo cha đến đó và nhập học phổ thông. Ông học tiếng Pháp và sau đó là tiếng Đức. Trong số các nhà văn hiện đại, Borges là một trong những người am hiểu nhiều thứ tiếng nhất. Đây là điều kiện để ông thấu hiểu bản chất của ngôn ngữ, hiểu được cái mê lộ sâu thẳm của ngôn từ và sáng tạo nhiều kiểu cấu trúc cho văn phong mình.

Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất nổ ra, gia đình ông bị kẹt ở châu Âu cho đến năm 1921. Di chuyển qua nhiều thành phố của Thụy Sĩ và Tây Ban Nha. Borges tiếp xúc với nhiều nền văn hoá và nhiều phong trào văn chương đương thời. Ông gia nhập nhóm *Tiền phong Người cực đoan* (Avant - garde Ultraist). Đây là phong trào chống chủ nghĩa hiện đại. Phong trào này kết thúc vào năm 1922. Chịu ảnh hưởng của các nhà văn Tây Ban Nha đương thời, nhưng bài thơ đầu tiên của Borges đăng trên tạp chí *Grecia* có nhan đề *Bài thánh ca biển* (Hymn to the Sea) lại chịu ảnh hưởng từ phong cách của Walt Whitman.

Năm 1921, Borges cùng gia đình quay về Buenos Aires. Ông quyết định lập thân bằng con đường văn chương, bằng cách viết các bài phê bình và sáng tác thơ cho các tạp chí. Borges tham gia thành lập tờ tạp chí văn học tiên phong và đóng vai trò chủ chốt trong việc truyền bá khuynh hướng thị ca mới. Thời gian này, ông cho in tập thơ đầu tiên *Nhiệt hừng Buenos Aires* (1923) và tập tiểu luận phê bình *Những tra cứu* (1925). Ông nhiệt tình truyền bá học thuyết của chủ nghĩa cực đoan (Ultraism) vào Argentina và trở thành nhà văn theo chủ nghĩa khu vực

(*criollismo* - phong trào tồn tại từ 1900 đến 1940 ở Mỹ Latinh) nổi tiếng của thời đó. Về sau, chính Borges không hài lòng với những sáng tác giai đoạn này. Giai thoại kể rằng ông bỏ nhiều tiền ra mua lại những ấn phẩm trong thời kỳ này và cho thiêu huỷ vì không muốn chúng hiện diện trên cõi đời.

Năm 1924, Borges du học sang châu Âu. Thời gian du học, Borges sử dụng được các thứ tiếng Đức, Anh, Pháp. Điều đó đã tạo điều kiện cho ông tiếp xúc với nhiều nền văn hoá. Năm 20 tuổi, cùng với gia đình, Borges sang Madrid, Tây Ban Nha. Tại đây, ông giao du với cánh nhà thơ thuộc khuynh hướng thực nghiệm.

Kể từ 1929, Borges đã định hình rõ nét phong cách văn xuôi của mình. Ông chọn lối viết ngắn, hàm súc, sử dụng nhiều yếu tố thiên nhiên, huyền ảo rút từ văn học cổ. Tập truyện ngắn đầu tay *Sáu vấn đề của ngài Isidro Parodi* (1935) cho thấy rõ điều này. Borges thực sự nổi tiếng trên văn đàn với tập truyện ngắn *Những hư cấu* (1944). Tập truyện cho thấy chất trí tuệ, chiều sâu của sự uyên bác, khả năng am hiểu văn học và văn hoá của nhiều dân tộc trên thế giới trong tư duy nghệ thuật Borges.

Năm năm sau, tập *Aleph* (1949) ra đời càng củng cố thêm uy tín của một bậc thầy truyện ngắn. Cùng với sáng tác truyện, Borges cho in nhiều tập nghiên cứu phê bình như *Ngôn ngữ Argentina* (1928), *Văn học cổ điển Đức* (1952), *Những tra cứu khác* (1952),... Những tập sách này càng khẳng định hơn vốn tri thức uyên bác của nhà văn.

Sau sự sụp đổ của Juan Peron vào năm 1955, người mà Borges cực lực chống đối, Borges được bổ nhiệm làm Giám đốc Thư viện Quốc gia Argentina. Năm này, Borges gặp phải một bất hạnh lớn: ông đã bị mù hoàn toàn. Nhưng điều đó không hề cản trở sự nghiệp sáng tác, thông qua các thư ký riêng, ông tiếp xúc với thời sự văn chương và vẫn tiếp tục viết. Các tập truyện ngắn *Sách cát* (1955), *Kẻ hành*

*sự* (1960) cho thấy độ hoàn hảo nghệ thuật ở mức độ cao hơn của nhà văn.

Năm 1967, Borges kết hôn với góa phụ Elsa Astete Millan. Cuộc hôn nhân này chủ yếu là theo ý mẹ ông và không mang lại hạnh phúc. Lúc này khi đã ở vào độ tuổi 90, mẹ ông muốn ông có được nơi nương tựa sau khi bà qua đời. Sau ba năm chung sống với Elsa Astete Millan, Borges li dị và quay về sống với mẹ cho đến khi bà qua đời ở tuổi 99. Borges tiếp tục sống độc thân trong suốt thời gian đó.

Năm 1975, ông quyết định đi du lịch sau khi mẹ qua đời. Cùng đi với ông là cô thư ký riêng xinh đẹp người Argentina lai giữa Nhật Bản và Đức, Maria Kodama. Vài tháng trước khi chết, ông làm lễ kết hôn với Kodama.

Khi Juan Peron quay về từ nơi lưu vong và được bầu lại làm tổng thống Argentina năm 1973, Borges từ chức giám đốc thư viện quốc gia. Kể từ đó ông không quay lại với các hoạt động xã hội nữa.

Năm 1961, Borges được trao tặng Giải Quốc tế của các nhà xuất bản. Tên tuổi ông, nhờ vậy, càng lừng danh trên văn đàn thế giới. Ông tiếp tục cho in nhiều tác phẩm văn xuôi như *Thông thi của Brodie* (1979), *Sách về những người tưởng tượng* (1979); các tập thơ như *Hoa hồng tâm uyên* (1975), *Lời giải* (1982),... Năm 1980, Borges được trao tặng giải thưởng Miguel de Cervantes, giải thưởng dành cho nhà văn có công trong việc phát triển ngôn ngữ Tây Ban Nha. Borges mất ngày 14/6/1986 tại Geneva (Thụy Sĩ) vì căn bệnh ung thư.

2. Nổi tiếng với tư cách là nhà thông thái trong lĩnh vực văn chương, Borges để lại dấu ấn sâu đậm trong thế giới ngôn ngữ Tây Ban Nha nói riêng và nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới nói chung. Ông chịu ảnh hưởng nhiều từ Miguel de Cervantes, Rudyard Kipling, Franz Kafka,... Qua họ, ông mở cánh cửa văn chương mới, cánh cửa của riêng mình để đứng vào đội ngũ các bậc thầy ông hằng ngưỡng mộ kia.

Vào khoảng nửa cuối thập kỷ 1930, Borges gặp nhiều biến động trong đời. Đầu tiên là cái chết của người cha mà ông rất yêu quý. Tiếp đó ông bị bệnh tật giày vò. Cánh cửa tử thân gập như mở ra với ông khi ông bị bệnh nhiễm trùng huyết. Sau khi bình phục, lối viết của ông hoàn toàn khác trước và dần dần ông trở nên nổi tiếng.

Danh tiếng Borges có được qua sự chuyển biến này còn nhờ việc ông tiếp xúc được hiện tượng luận của Husserl, Heidegger và chủ nghĩa hiện sinh của Jean Paul Sartre, Albert Camus. Những tư tưởng này mở ra cho Borges chân trời mới trong việc nhận thức và tái hiện thế giới.

Tuy nhiên, nền tảng văn chương của Borges được nuôi dưỡng từ thời thơ ấu cho đến lúc trưởng thành. Thuở bé, Borges rất say mê những câu chuyện phiêu lưu kỳ lạ đầy chất hoang đường của Gilbert Keith Chesterton (nhà văn Anh, 1874-1936), Robert Luis Stevenson (nhà văn Scotland, 1850-1894) và Rudyard Kipling (nhà văn Anh, 1865-1936),... Ông sớm tiếp xúc với triết học. Trí tưởng tượng thiên tài của ông, một lần nữa bị khuấy động dữ dội. Với George Berkeley (nhà triết học Ireland, 1685-1753) và David Hume (nhà triết học Scotland, 1711-1776), Borges nhận thức được điều cốt lõi trong tư duy: tất cả mọi tri thức và kinh nghiệm của nhân loại đều mang bản chất chủ quan. Từ tiền đề này, Borges vững tin trong việc phê phán cảm hứng chủ quan của mình lên chất liệu ngôn từ. Ông bắt ngôn ngữ phải phục tùng tư duy một cách tuyệt đối.

Tuy nhiên, cảm giác về sự mong manh của bản thể và sự tự khẳng định chỉ là sản phẩm siêu hình của một minh trí phổ quát nào đó, thì Borges lại rút trực tiếp từ triết học của Arthur Schopenhauer (nhà triết học Đức, 1788-1860) và Friedrich Nietzsche (nhà triết học Đức, 1844-1900). Ông cho rằng, một khi đã thiếu chân lý khách quan, con người buộc phải chấp nhận một kiểu trò chơi không cố định về quy luật mà

không một thế lực, đâu là siêu nhiên nào, chẳng hạn như Chúa hay Thượng đế, có thể chế ngự. Điều này giải thích vì sao Borges lại rất thích trò chơi mê lộ trong thế giới nghệ thuật của mình. Bản chất của mê lộ là sự xảy lập bất tận của những khuôn dạng, mẫu hình,... Nó gợi tính chất trò chơi, sự may rủi và bất ổn. Con người khi tiếp cận với nó sẽ không chắc chắn được điều gì cả. Vậy thì trong họ sẽ nảy sinh ra những hoài nghi về cá tính, về nhân cách, về ý nghĩa và về chính cả hiện thực cuộc sống nói chung.

Quan điểm này được thể hiện tập trung nhất trong tập *Truyện hư cấu*. Đây là tập truyện kết tinh nhất tài nghệ của Borges. Trong sách này, Borges sử dụng lối viết của tiểu luận pha hư cấu. Ông xem thế giới như một thư viện đồ sộ, trật tự, ngăn nắp, nhưng không ai có thể biết được giới hạn và thiết kế của nó. Nơi đó, những trò chơi may rủi của số phận hết như trò xổ số được điều hành của những người trong bóng tối gập quyết định, giống với phong cách của Kafka. Nhân quan *hài hước đen* (Dark Humour) của Kafka cũng được Borges thể hiện rất thành công trong tác phẩm. Thế giới của ông vận động trong sự tranh đấu quyết liệt giữa hai đối thủ để giành quyền thống trị tối cao giữa các tay cao bồi, các nhà văn, các quý bà và thậm chí là cả những chính khách nổi tiếng đương thời. Điều này tạo nên sự khôi hài nhưng đầy nhân văn, bởi những hành động tranh đấu ấy đều xuất phát từ bản chất muốn khẳng định nhân tính, muốn vượt lên trên những điều xấu xa hay chính bản thân mình.

Những cuộc tranh đấu của Borges luôn ở trong xu thế thống nhất để đương đầu với một thế lực khác cao hơn. Sự tranh đấu để tồn tại, để xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn và phần nào đó thể hiện cái nhìn bi đát của con người trên hành trình không ngừng nghỉ của tồn tại,... là nét thẩm mỹ thường trực trong tư duy nghệ thuật Borges.

Chủ đề thường trở đi trở lại trong sách của Borges là *mê lộ* (labyrinth). Ông đã vận dụng những hình ảnh xác thực và phi xác thực một cách điêu luyện trong lối viết của mình. Nhờ ông, khuynh hướng Văn học huyền ảo Mỹ Latinh được biết rộng rãi trên toàn thế giới. Truyện ngắn tập trung nhất các đặc trưng nghệ thuật của Borges là *Công viên của những lối đi rẽ hai ngã*. Truyện này được lấy nhan đề cho tuyển tập truyện ngắn đầu tiên của ông xuất bản năm 1941.

Mỹ học và triết học liên quan đến việc sáng tạo nghệ thuật của ông như thời gian, nhận dạng cái tôi, số phận con người, sự vĩnh hằng, tính chất kép, sự kỳ diệu của hiện thực,... vẫn thống trị các đề tài, nhưng sự chính xác ở phương diện ngôn ngữ một cách nghiêm khắc trong những truyện ngắn kiệt xuất của ông đã khiến cách diễn đạt văn xuôi của ông tự do hơn, đơn giản hơn và trực tiếp hơn. Nghệ thuật kể chuyện của ông phát triển trong truyền thống được gọi là chủ nghĩa hiện thực huyền ảo. Borges nêu bật bốn thủ pháp cơ bản của văn xuôi hiện thực huyền ảo. Đó là lồng tác phẩm nghệ thuật vào trong tác phẩm nghệ thuật, trộn lẫn hiện thực và mơ, xoá bỏ đường biên thời gian, sử dụng hình tượng kép. Các thủ pháp này cùng với những hình ảnh biểu tượng ưa thích của ông như mê lộ, gương soi, cấu trúc cân xứng, trạng thái số nhiều và bội phần, tính tuần hoàn của hiện thực,... đã góp phần hữu hiệu trong việc lột tả tính phi thực trong mọi cấu trúc nhân sinh. Tác phẩm của ông tập trung vào mối quan hệ của con người với thế giới phức tạp xung quanh. Sáng tạo của Borges là cả một hệ đan cài các tư tưởng triết học, thần học và thuyết siêu hình, đan cài những vấn đề khủng khiếp của cuộc sống thường nhật với ảo giác của hiện thực về bản thể tồn tại của cá nhân trong vũ trụ,... nên rất khó tiếp nhận đối với độc giả bình dân.

Tác phẩm của Borges còn viết về nỗi cô đơn và sự thống khổ của con người. Nỗi thống khổ có nguyên nhân từ việc số phận bị đat của con người không thể làm

cho người ngoài bởi nỗi ám ảnh về sự chuyển dịch thời gian không ngừng, bởi việc không thể nào huỷ bỏ được ý niệm cá nhân về bản thể.

Borges hình thành nên một thế giới hình tượng dựa trên giả thuyết trí tuệ. Chủ nghĩa lý tưởng là phương châm dẫn dắt sáng tạo nghệ thuật của ông. Bằng văn chương, ông khám phá ra một thế giới mạch lạc trái ngược với sự hỗn loạn của thế giới hiện thực, nhưng tác phẩm của ông luôn kết thúc bằng sự nhân đôi nỗi khủng khiếp thế giới hỗn loạn của chúng ta. Không thể thấu hiểu hiện thực, Borges sáng tác những câu chuyện mỉa mai, rắc rối, đầy chất suy tư để đối thoại với hư vô, nơi hiện thực và mơ được trộn lẫn.

Sức mạnh văn chương của Borges được tập trung ở sức gợi và ẩn ý. Một lối viết nghiêm khắc, đầy vẻ mỉa mai, giấu cợt nhưng bao giờ cũng toát lên sự thông tuệ. Một thế giới cá biệt mọc lên từ chính phong cách đó, nơi cuộc sống có được hình hài qua kỹ thuật tinh tế bậc thầy của ông. Những hình ảnh phồn sinh của Borges biện minh chói sáng cho lý do tồn tại của chính ông. Ông tìm thấy trong sáng tạo nghệ thuật và cả trong việc tạo dựng những thế giới lý tưởng một sự cứu rỗi linh hồn có điều kiện. Ông sáng tạo ra thế giới hiện thực của riêng ông là nhằm để xoá bỏ sự hỗn mang bí hiểm của thế giới. Ông sáng tạo ra vô vàn những mê lộ trong tác phẩm là để tìm một chỗ dựa trong thế giới thực tại, và hơn thế, là để vượt thoát sự nghi kỵ và nỗi hoài nghi luôn ám ảnh con người thời hiện đại như một định mệnh.

Trong lời giới thiệu tập truyện *Công viên của những lối đi rẽ hai ngã*, Borges cho biết bản chất của sáng tạo hiện thực huyền ảo: “Đấy là sự điên rồ khó nhọc và là một trạng thái bị làm suy nhược, sự điên rồ trong việc sáng tạo những cuốn sách vô tận - viết ra trong năm trăm trang sách một ý tưởng mà có thể được kể hoàn hảo bằng miệng chỉ trong vòng năm phút. Cách tốt nhất để tiếp cận nó là vở rằng những cuốn sách ấy thực sự tồn tại, và đưa ra một cái tóm tắt, một lời bình luận về chúng” ■